

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kèm theo
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03-04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-41
· Bảng cân đối kế toán	07-10
· Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
· Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
· Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-41

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 7 ngày 20 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 20/04/2015 là 238.880.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) tương đương 23.888.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, quặng sắt.

2. Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Mạnh Hùng	: Chủ tịch
- Ông Lê Đức Dũng	: Thành viên
- Ông Lâm Hoàng Giang	: Thành viên
- Ông Trần Anh Tú	: Thành viên
- Ông Lê Hữu Lộc	: Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Đức Dũng	: Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Mạnh Linh	: Trưởng ban
- Bà Trần Thị Hạnh	: Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Tuyết	: Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hòa Bình, ngày ... tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng giám đốc


Lê Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Số: 63/2016/BCKT/PKF-VPHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh VI.5, chúng tôi đã không thể thu thập được thông tin tài chính về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Ba Đình và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1*

Trần Thị Nguyệt

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0589-2015-242-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01-DN

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.167.129.316	84.574.542.470
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	285.363.602	773.559.097
1. Tiền	111		285.363.602	773.559.097
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.4	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.892.684.720	78.444.375.974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	89.610.293.013	75.863.473.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	208.509.570	23.620.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.5	3.362.000.000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.5	92.711.882.137	2.557.282.137
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.6	9.771.075.824	5.248.427.416
1. Hàng tồn kho	141		9.771.075.824	5.248.427.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		218.005.170	108.179.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		218.005.170	108.179.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.681.442.506	255.574.885.777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000.000	100.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5	100.000.000.000	100.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		34.681.442.506	35.432.435.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	34.681.442.506	35.432.435.090
- Nguyên giá	222		44.019.729.878	42.139.729.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.338.287.372)	(6.707.294.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.4	20.000.000.000	120.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	100.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	142.450.687
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	-	142.450.687
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350.848.571.822	340.149.428.247

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		106.851.660.798	179.791.947.683
I. Nợ ngắn hạn	310		106.851.660.798	179.781.947.683
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	97.021.181.622	74.660.971.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11	300.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	876.548.696	414.145.233
4. Phải trả người lao động	314		34.500.000	28.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	70.000.000	60.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	-	50.000.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.9	8.549.430.480	54.618.830.480
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	10.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.9	-	10.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		243.996.911.024	160.357.480.564
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	243.996.911.024	160.357.480.564
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.880.000.000	156.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.880.000.000	156.880.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5.116.911.024	3.477.480.564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.477.480.564	1.820.899.632
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.639.430.460	1.656.580.932
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350.848.571.822	340.149.428.247

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



Trần Kiên Cường

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	69.712.545.260	76.318.486.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.712.545.260	76.318.486.620
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	67.021.591.992	75.696.369.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.690.953.268	622.117.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	62.048.121	2.635.647.751
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VII.7	156.000.000	57.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	495.167.466	833.936.935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.101.833.923	2.366.828.242
11. Thu nhập khác	31		-	988.649.466
12. Chi phí khác	32	VII.6	-	1.284.751.543
13. Lợi nhuận khác	40		-	(296.102.077)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.101.833.923	2.070.726.165
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	462.403.463	414.145.233
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.639.430.460	1.656.580.932
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		92	644
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập biểu



Trần Kiên Cường

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		63.236.980.610	11.579.082.500
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và	02		(55.780.724.226)	(14.682.639.655)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(407.500.000)	(293.550.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(2.621.913.022)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.400.000	50.032.870.114
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(90.203.000.000)	(802.344.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(83.108.843.616)	43.211.504.933
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.362.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.564.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	(290.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		80.000.000.000	190.122.517.746
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		62.048.121	177.398.833
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		46.700.048.121	(97.136.083.421)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		82.000.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.990.600.000	174.628.830.480
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(66.070.000.000)	(120.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.920.600.000	54.628.830.480
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(488.195.495)	704.251.992
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		773.559.097	69.307.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.01	285.363.602	773.559.097

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Trần Kiên Cường

Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường



Lê Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là công ty cổ phần nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 7 ngày 20 tháng 04 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại km15, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548 ngày 20 tháng 04 năm 2015 của Công ty là: 238.880.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*), tương đương 23.888.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành trừ vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt, thép;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán và chế biến than các loại, Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vôi, xi măng, thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp dưới 35KV;
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nhựa, giấy và sản phẩm từ nhựa, giấy;
- Sản xuất, kinh doanh các loại máy móc, thiết bị ngành nhựa, dệt may, bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán các loại chỉ may, các loại chỉ may, các loại dây đai tròn, dệt;
- Chuyển giao, hướng dẫn vận hành công nghệ may, in tráng, sản xuất chỉ;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15, quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch;
- Sửa chữa, bảo dưỡng cải tạo các phương tiện vận chuyển;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất trừ hóa chất nhà nước cấm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: máy, thiết bị công nghiệp, quặng kim loại các loại;
- Chế tạo gia công cơ khí, rút sợi: thép, đồng, nhôm;
- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ công nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh bán hàng hóa: Cung cấp gạch, thép, quặng sắt, sơn,...

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Gia Lai, Hòa Bình, Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị : VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	249.657.004	766.937.004
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.706.598	6.622.093
- Tiền gửi ngân hàng VND	35.706.598	6.622.093
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Lý	1.191.000	1.042.751
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	33.421.074	5.579.342
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	1.094.524	-
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	285.363.602	773.559.097

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	89.610.293.013	75.863.473.837
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	85.685.703.866	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TM XNK Hùng Vương	6.304.376.760	-
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	52.678.308.522	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	4.577.650.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận Hồ Chí Minh	22.125.368.584	-
Các khách hàng khác	3.924.589.147	75.863.473.837
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)	-	-
Cộng	89.610.293.013	75.863.473.837
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	916.890.602	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long	733.560.602	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	183.330.000	-
Cộng	916.890.602	-

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần DVMT Việt Nam	1.540.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu Chịu lửa Thái Nguyên	206.969.570	-
- Các khách hàng khác	-	23.620.000
Cộng	208.509.570	23.620.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Gia Lai- tỷ lệ sở hữu 23,35%	20.000.000.000	(*)	-	20.000.000.000	(*)	-
Cộng	20.000.000.000	(*)	-	20.000.000.000	(*)	-

(*) Xem thuyết minh số 4.5 trang 39.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	92.711.882.137		2.557.282.137	-
- Các khoản phải thu khác	92.711.882.137		2.557.282.137	-
+ Phải thu khác (1)	2.511.882.137		2.511.882.137	-
+ Tạm ứng (2)	90.200.000.000		45.400.000	-
- Cho vay ông Lê Đức Dũng (3)	3.362.000.000		-	-
Cộng	92.711.882.137		2.557.282.137	-
b) Phải thu dài hạn khác	100.000.000.000		100.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Tài Nguyên Sài Gòn (i)	-	-	30.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Kim cương Lai Châu (ii)	30.000.000.000			-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình (iii)	70.000.000.000		70.000.000.000	-
Cộng	192.711.882.137		102.557.282.137	-

Chi tiết ngắn hạn:**(1) Phải thu khác**

Là khoản chia cổ tức năm 2014 của Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu nhưng chưa thu được.

(2) Tạm ứng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Lê Đức Dũng	-	26.600.000
- Ông Lê Hữu Lộc (*)	15.200.000.000	
- Bà Lương Thị Cẩm Giang	-	14.300.000
- Bà Phạm Thị Hải Yến (**)	75.000.000.000	
- Bà Tạ Mỹ Dung	-	3.500.000
- Tạm ứng khác		1.000.000
Cộng	90.200.000.000	45.400.000

(*) Tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc để thực hiện mua cổ 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 17/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó, tạm ứng cho ông Lê Hữu Lộc số tiền trong hạn mức 30 tỷ, thời hạn tạm ứng tối đa là 180 ngày.

(**) Tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến để thực hiện mua cổ 8.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo Nghị quyết HĐQT số 15/2015/NQ-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 16/2015/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2015, theo đó, tạm ứng cho bà Phạm Thị Hải Yến số tiền trong hạn mức 80 tỷ, thời hạn tạm ứng tối đa là 180 ngày.

(3) Cho ông Lê Đức Dũng vay theo Hợp đồng số 2806/2015/HĐVV ngày 28/06/2015 hạn mức tín dụng là 12 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 0%/năm, cho vay bằng tiền mặt.

Chi tiết dài hạn:

(i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐKTKD ngày 28/06/2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu và Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn, hai bên thực hiện hợp tác kinh doanh đầu tư khai thác khoáng sản, theo tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 50%-50%, thời hạn hợp đồng là 24 tháng kể từ ngày ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2015/HĐHTKD ngày 01/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu và Công ty TNHH Kim cương Lai Châu thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư xây dựng và khai thác khu đất tại Bản Chang, Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tổng số vốn là 60 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50%-50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký.

(iii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17/2014/HĐHTKD ngày 03/07/2014 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Ba Đình thỏa thuận hợp tác kinh doanh đầu tư vào dự án của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VDI Việt Nam tổng số vốn là 140 tỷ đồng, mỗi bên góp 50%, phân chia lợi nhuận 50%-50%, thời hạn hợp đồng là 3 năm kể từ ngày ký.

Đến ngày 31/12/2015, chưa có thông tin tài chính về doanh thu, chi phí và lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên vật liệu	429.038.458	-	429.038.458	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	3.937.140.381	-	1.304.697.110	-
Thành phẩm nhập kho	885.066.859	-	885.066.859	-
Hàng hóa	4.519.830.126	-	2.629.624.989	-
Cộng	9.771.075.824	-	5.248.427.416	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	-
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
b) Dài hạn	-	142.450.687
- Chi phí thuê văn phòng	-	-
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	142.450.687
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	-	142.450.687

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

8 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị : VND Tổng cộng
--	--------------------------	---------------------	------------------------	-----------------------------	---------------------------

I. Nguyên giá

Số dư đầu năm

Tăng trong năm

- Mua trong năm

- Đầu tư XD CB hoàn thành

- Tăng khác

Giảm trong năm

- Chuyển sang BĐSĐT

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác

Số dư cuối năm

II. Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm

Tăng trong năm

- Số khấu hao trong năm

- Tăng khác

Giảm trong năm

- Thanh lý, nhượng bán

- Giảm khác

Số dư cuối năm

III. Giá trị còn lại

1. Tại ngày đầu năm

2. Tại ngày cuối năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU
Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

9 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị : VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	8.549.430.480	8.549.430.480	19.990.600.000	66.060.000.000	54.618.830.480	54.618.830.480
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	<i>8.549.430.480</i>	<i>8.549.430.480</i>	<i>19.990.600.000</i>	<i>66.060.000.000</i>	<i>54.618.830.480</i>	<i>54.618.830.480</i>
<i>Trần Kiên Cường (*)</i>	<i>2.170.430.480</i>	<i>2.170.430.480</i>	<i>2.973.600.000</i>	<i>5.422.000.000</i>	<i>4.618.830.480</i>	<i>4.618.830.480</i>
<i>Phạm Thị Hải Yến (**)</i>	<i>6.379.000.000</i>	<i>6.379.000.000</i>	<i>6.379.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lê Đức Dũng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>10.638.000.000</i>	<i>60.638.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
b) Vay dài hạn	-	-	-	10.000.000	10.000.000	10.000.000
<i>Trần Kiên Cường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Cộng	8.549.430.480	8.549.430.480	19.990.600.000	66.070.000.000	54.628.830.480	54.628.830.480

(*) Hợp đồng vay ông Trần Kiên Cường số 2608/2015/HĐVV ngày 26/08/2015, hạn mức tín dụng là 2.973.600.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, công ty vay bằng tiền gửi ngân hàng.

(**) Hợp đồng vay bà Phạm Thị Hải Yến số 3010/2015/HĐVV ngày 30/10/2015, hạn mức tín dụng là 6.379.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm, công ty vay bằng tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	97.021.181.622	97.021.181.622	74.660.971.970	74.660.971.970
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	93.719.246.320	93.719.246.320	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	2.006.320.178	2.006.320.178	-	-
Công ty Cổ phần Mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung	71.828.983.851	71.828.983.851	-	-
Công ty Cổ phần TM và Đầu tư VCI Việt Nam	7.357.039.800	7.357.039.800	-	-
Công ty CP ĐT và PT Doanh nghiệp Việt Nam	12.526.902.491	12.526.902.491	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	3.301.935.302	3.301.935.302	74.660.971.970	74.660.971.970
Cộng	97.021.181.622	97.021.181.622	74.660.971.970	74.660.971.970
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là bên liên quan	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000
Cộng	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000	2.801.188.000

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trần Anh Tú	300.000.000	-
- Các khách hàng khác	-	-
Cộng	300.000.000	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	-	6.971.254.526	6.971.254.526	-
- Thuế TNDN	414.145.233	462.403.463	-	876.548.696
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	414.145.233	14.410.912.515	6.974.254.526	876.548.696

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí kiểm toán	70.000.000	60.000.000
Cộng	<u><u>70.000.000</u></u>	<u><u>60.000.000</u></u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả, phải nộp khác	-	50.000.000.000
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>50.000.000.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU
Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị : VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	156.880.000.000				1.820.899.632	158.700.899.632
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					1.656.580.932	1.656.580.932
Tăng khác		-				-
Giảm vốn trong năm trước						-
Phân phối lợi nhuận						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	156.880.000.000	-	-		3.477.480.564	160.357.480.564
Tăng vốn trong năm nay	82.000.000.000					82.000.000.000
Lãi trong năm nay					1.639.430.460	1.639.430.460
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm nay	238.880.000.000	-	-		5.116.911.024	243.996.911.024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	238.880.000.000	156.880.000.000
Cộng		238.880.000.000	156.880.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	156.880.000.000	156.880.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (i)	82.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	238.880.000.000	156.880.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

(i) Trong năm Công ty tăng vốn bằng tiền gửi ngân hàng là 82.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 số 01/2014/NQ-KSK ngày 11/08/2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ/KSK ngày 10/04/2015 của công ty cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu.

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.888.000	15.688.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.888.000	15.688.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	15.688.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.888.000	15.688.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.888.000	15.688.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.639.430.460	1.656.580.932
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	17.738.000	15.628.122
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	92	106

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thép	53.132.946.540	-
- Doanh thu bán quặng sắt	7.922.500.000	62.055.593.020
- Doanh thu bán đá	3.312.327.820	6.409.893.600
- Doanh thu bán gạch	3.371.670.900	-
- Doanh thu bán xi măng	996.950.000	-
- Doanh thu cho thuê máy móc	500.000.000	-
- Doanh thu bán hàng hóa khác	476.150.000	7.853.000.000
Cộng	69.712.545.260	76.318.486.620

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	-	-

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán thép	50.866.793.944	-
- Giá vốn bán quặng sắt	6.294.712.740	61.570.247.359
- Giá vốn bán đá	4.489.381.980	6.398.849.000
- Giá vốn bán gạch	3.467.095.193	-
- Giá vốn bán xi măng	1.154.320.000	-
- Giá vốn cho thuê máy móc	141.000.000	-
- Giá vốn bán hàng hóa khác	608.288.135	7.727.272.835
Cộng	67.021.591.992	75.696.369.194

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	62.048.121	2.635.647.751
Cộng	62.048.121	2.635.647.751

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	-	-

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	-	1.284.751.543
Cộng	-	1.284.751.543

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	495.167.466	833.936.935
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	408.000.000	105.000.000
+ Chi phí nhân công	258.000.000	105.000.000
+ Chi phí tư vấn	150.000.000	
- Các khoản chi phí QLDN khác	87.167.466	728.936.935
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	156.000.000	57.000.000
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	156.000.000	57.000.000
+ Chi phí nhân công	156.000.000	57.000.000
- Các khoản chi phí bán hàng khác	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
Cộng	651.167.466	890.936.935

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.101.833.923	2.070.726.165
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Tổng thu nhập chịu thuế	2.101.833.923	2.070.726.165
Thuế suất thuế TNDN	22%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	462.403.463	414.145.233

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	414.000.000	162.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.630.992.584	2.489.992.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.251.166	442.855.188
Chi phí bằng tiền khác	83.916.300	371.077.365
Cộng	3.282.160.050	3.465.925.137

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**IX. Những thông tin khác****1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC****2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B09-DN

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay		Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Quặng sắt	Đá	Máy móc	Thép	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.922.500.000	3.312.327.820	-	53.132.946.540	5.344.770.900	69.712.545.260
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và	7.922.500.000	3.312.327.820	-	53.132.946.540	5.344.770.900	69.712.545.260
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.627.787.260	(1.177.054.160)	-	2.266.152.596	(25.932.428)	2.690.953.268
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						651.167.466
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						2.039.785.802
Doanh thu hoạt động tài chính						62.048.121
Chi phí tài chính						-
Thu nhập khác						-
Chi phí khác						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện						462.403.463
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						1.639.430.460
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						1.880.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						2.773.443.272
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)						

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B09-DN

Năm trước

CHỈ TIÊU	Quặng sắt	Đá	Máy móc	Thép	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	62.055.593.020	6.409.893.600	7.853.000.000			76.318.486.620
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.055.593.020	6.409.893.600	7.853.000.000			76.318.486.620
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	485.345.661	11.044.600	125.727.165			622.117.426
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						890.936.935
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(268.819.509)
Doanh thu hoạt động tài chính						2.635.647.751
Chi phí tài chính						-
Thu nhập khác						988.649.466
Chi phí khác						1.284.751.543
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						414.145.233
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						1.656.580.932
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí						2.489.992.584
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)						

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B09-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU		Quặng sắt	Đá	Máy móc	Thép	Khác	Tổng cộng
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận		11.317.917.152	4.731.921.975	-	75.904.611.797	7.635.427.484	99.589.878.407
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							251.258.693.415
Tổng tài sản							350.848.571.822
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		11.060.090.526	4.624.126.922	-	74.175.474.745	7.461.489.428	97.321.181.622
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							9.530.479.176
Tổng nợ phải trả							106.851.660.798
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận		68.435.168.991	7.050.882.960	138.300.000			75.624.351.951
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							264.525.076.296
Tổng tài sản							340.149.428.247
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		63.081.381.615	7.038.733.900	-			70.120.115.515
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							109.671.832.168
Tổng nợ phải trả							179.791.947.683

Đơn vị : VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B09-DN

3.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Năm nay

Chỉ tiêu	Gia Lai	Hà Nam	Hồ Chí Minh	Hòa Bình	Quảng Ninh	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	2.017.720.000	1.375.000.000	59.247.337.440	1.860.160.000	5.212.327.820	69.712.545.260
Tài sản bộ phận						
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					1.880.000.000	1.880.000.000

Năm trước

Chỉ tiêu	Hà Nội	Lào Cai	Yên Bái	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	5.731.251.600	4.161.500.000	66.425.735.020	76.318.486.620
Tài sản bộ phận				
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	35.706.598	6.622.093
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	20.000.000.000	120.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.322.175.150	78.420.755.974
Cộng	202.357.881.748	198.427.378.067

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	8.549.430.480			8.549.430.480
Phải trả người bán	97.021.181.622			97.021.181.622
Chi phí phải trả	70.000.000			70.000.000
Phải trả khác	-			-
Số đầu năm				
Các khoản vay	54.618.830.480			54.618.830.480
Phải trả người bán	74.660.971.970			74.660.971.970
Chi phí phải trả	60.000.000			60.000.000
Phải trả khác	50.000.000.000			50.000.000.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị : VND

- 4.5 Giá trị hợp lý**
- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ
Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	285.363.602	285.363.602	773.559.097	773.559.097
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.322.175.150	(*)	78.420.755.974	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	100.000.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(8.549.430.480)	(8.549.430.480)	(54.618.830.480)	(54.618.830.480)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(97.021.181.622)	(97.021.181.622)	(74.660.971.970)	(74.660.971.970)
- Vay dài hạn	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Cộng	97.036.926.650	(*)	69.904.512.621	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn
Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Km 15 Quốc lộ 21, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Thông tin về các bên liên quan

Ông Lê Đức Dũng làm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu đồng thời làm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản & VLXD Hưng Long.

Ông Lê Hữu Lộc là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Luyện Kim Màu đồng thời làm Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình.

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan và số dư tại ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Số dư cuối năm (VND)</u>
Công ty Cổ phần KS & VLXD Gia Lai	Công ty liên doanh liên kết	Bán hàng	2.219.492.000	183.330.000
Công ty Cổ phần KS & VLXD Gia Lai	Công ty liên doanh liên kết	Mua hàng		2.801.188.000
Công ty Cổ phần KS & VLXD Hưng Long		Bán hàng	5.733.560.602	733.560.602
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình		Mua hàng	15.780.757.234	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình		Bán hàng	2.046.176.000	
Trần Kiên Cường	Kế toán trưởng	Cho công ty vay	2.973.600.000	2.170.430.480
Phạm Thị Hải Yến	Trưởng phòng kinh doanh	Cho công ty vay	6.379.000.000	6.379.000.000
Phạm Thị Hải Yến	Trưởng phòng kinh doanh	Tạm ứng	75.000.000.000	75.000.000.000
Lê Hữu Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị	Tạm ứng	15.200.000.000	15.200.000.000
Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	Vay công ty	3.362.000.000	3.362.000.000

Trong năm, Công ty có giao dịch góp vốn như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Trần Thị Hạnh	Góp vốn	22.000.000.000
Lương Thị Cẩm Giang	Góp vốn	20.000.000.000
Phạm Thị Hình	Góp vốn	20.000.000.000
Nguyễn Thị Thu Trang	Góp vốn	20.000.000.000
Cộng		82.000.000.000

b). Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Ban Giám đốc, kế toán trưởng:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>
Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	72.000.000
Ông Trần Kiên Cường	Kế toán trưởng	60.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	Nội dung thay đổi	Số đầu năm trên báo cáo tài chính năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài sản ngắn hạn				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	Chuyển từ tài sản ngắn hạn khác sang	78.444.375.974	78.398.975.974
6. Các khoản phải thu khác	136		2.557.282.137	2.511.882.137
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác	108.179.983	153.579.983
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	45.400.000
B. Tài sản dài hạn				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	Chuyển từ đầu tư dài hạn khác sang	100.000.000.000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		100.000.000.000	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	Chuyển sang phải thu dài hạn	100.000.000.000	200.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		100.000.000.000	200.000.000.000


7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Trần Kiên Cường

Kế toán trưởng



Trần Kiên Cường

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng